

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 44/2021/DS-ST

Ngày: 26-05-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 N 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-DS, ngày 29/01/2021 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-DS, ngày 7/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-DS, ngày 27/04/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị N**, sinh N 1961 (Có mặt)

HKTT: Số A, Khu B, Thị trấn C, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bà N:

Ông **Hồ Minh P**, sinh N 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2021)

- *Bị đơn:* 1/Ông **Lê Tấn Đ**, sinh N 1976 (Vắng mặt)

2/Bà **Nguyễn Thị T**, sinh N 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Người làm chứng:* Ông **Trần Hoàng T1**, sinh N 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N có ông Hồ Minh P làm đại diện trình bày:

Vào ngày 11/11/2017, bà Lê Thị N có cho vợ chồng ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 150.000.000đ, ông Đ là người đứng ra nhận tiền và làm biên nhận bằng hình thức viết biên nhận vay tiền cho bà N, thỏa thuận lãi suất vay là 2.500.000đ/tháng, đối với tiền gốc thì 01 N sẽ trả cho bà N 50.000.000đ, nếu bán nhà được sẽ trả đủ tiền. Từ khi cho vay thì ông Đ, bà T không có đóng lãi cho bà N cho đến nay.

Do chỗ quen biết, bà N tin tưởng vợ chồng ông Đ, bà T nên cho vay số tiền trên để vợ chồng ông Đ, bà T làm ăn, kinh doanh mua đất làm gạch, nhưng sau khi vay thì ông Đ, bà T không trả cho bà số tiền vay và lãi vay nào.

Bà N đã nhiều lần liên hệ nhưng ông Đ, bà T không trả, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà N và bỏ địa P đi làm ăn, lâu lâu mới về nhưng bà N yêu cầu vẫn không trả nợ.

Nay bà Lê Thị N yêu cầu ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000đ (*Một trăm, N mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 11/11/2017 đến 26/05/2021 (42 tháng 15 ngày x lãi suất 0.83%/tháng) là 52.912.500, tổng cộng vốn lãi 202.912.500đ (*Hai trăm, lẻ hai triệu, chín trăm mười hai nghìn, N trăm đồng*).

- *Tại phiên tòa*, bà Lê Thị N có ông Hồ Minh P làm đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000đ (*Một trăm, N mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 11/11/2017 đến 26/05/2021 (42 tháng 15 ngày x lãi suất 0.83%/tháng) là 52.912.500đ, tổng cộng vốn lãi 202.912.500đ (*Hai trăm, lẻ hai triệu, chín trăm mười hai nghìn, N trăm đồng*).

- *Bị đơn ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T vắng mặt nên không trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Việc tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ 147, 166, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000đ (*Một trăm, N mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 11/11/2017 đến 26/05/2021 (42 tháng 15 ngày x lãi suất 0.83%/tháng) là 52.912.500, tổng cộng vốn lãi 202.912.500đ (*Hai trăm, lẻ hai triệu, chín trăm mười hai nghìn, N trăm đồng*).

- Về án phí: Buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T liên đới chịu 10.145.600đ tiền án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay gốc và lãi, bị đơn cư trú tại xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn, theo quy định tại khoản điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Lê Thị N cho ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất một tháng là 2.500.000đ, phần tiền gốc là 01 N trả 50.000.000đ, nếu bán được nhà là trả đủ, nhưng đến nay chưa trả.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là “*Giấy mượn tiền*” viết tay trên giấy A4, có ông Lê Tấn Đ ký tên vào ngày 11/11/2017, có người chứng kiến ký tên là ông Trần Hoàng T1 (bút lục 02) mà phía nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Lê Thị N, ông Lê Tấn Đ có thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền là có thật, mặc dù ông Đ, bà T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên sự việc được chứng minh qua lời trình bày của người làm chứng là ông Trần Hoàng T1, sinh N 1974, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là người ký tên xác nhận vào giấy mượn tiền. Trong biên bản ghi lời khai ngày 19/03/2021, nội dung ông T1 trình bày như sau: “*Bà N, ông Đ lại nhà ông để nhờ ông ký tên làm chứng việc vay tiền vì ông làm Trưởng ấp A, họ đến nhờ ông viết biên nhận dùm, ký tên trực tiếp trước mặt ông. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị đơn ông Lê Tấn Đ có vay tiền của nguyên đơn bà Lê Thị N với số tiền 150.000.000 đồng*”. Hiện nay bà Lê Thị N vẫn còn giữ biên nhận gốc nếu ông Đ, bà T có trả nợ thì biên nhận phải được trả cho ông Đ, bà T.

Xét thấy, bà Lê Thị N cho ông Lê Tấn Đ vay tiền, đây là khoản vay do ông Đ tự mình thực hiện nhưng đây là số tiền lớn, hơn nữa ông Đ, bà T có mở cơ sở làm gạch nên có căn cứ ông Đ vay tiền để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh tạo ra thu nhập nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa trong quá trình thụ lý, giải quyết bị đơn ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo cho bà N biết của ông Đ, bà T thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015, bà Nguyễn Thị T là vợ của ông Lê Tấn Đ có kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2008 của UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới với ông Lê Tấn Đ để trả số tiền vay cho bà Lê Thị N theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình N 2014.

Xét về lãi suất tính lãi mà nguyên đơn Lê Thị N yêu cầu đối với bị đơn là 0.83%/tháng so với Điều 468 của Bộ luật dân sự N 2015 về mức lãi suất do các bên thỏa thuận là có lợi cho bị đơn, nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay gốc là 150.000.000đ (*Một trăm, N mươi triệu đồng*) và tiền lãi tạm tính từ ngày 11/11/2017 đến 26/05/2021 (42 tháng 15 ngày x lãi suất 0.83%/tháng) là 52.912.500, tổng cộng vốn lãi 202.912.500đ (*Hai trăm, lẻ hai triệu, chín trăm mười hai nghìn, N trăm đồng*).

[2.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[3]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 280, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T trả tiền vay gốc và lãi.

[1]. Buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị N số tiền vay gốc là 150.000.000đ (*Một trăm, N mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày 11/11/2017 đến 26/05/2021 (42 tháng 15 ngày x lãi suất 0.83%/tháng) là 52.912.500, tổng cộng vốn lãi 202.912.500đ (*Hai trăm, lẻ hai triệu, chín trăm mười hai nghìn, N trăm đồng*).

[2]. Về án phí: Buộc ông Lê Tấn Đ, bà Nguyễn Thị T phải chịu 10.145.600đ (*Mười triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự N 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng Đ, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo